

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH
VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUYÊN NGÀNH

KẾ TOÁN

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

MÃ NGÀNH: 8340301

(PHIÊN BẢN DÀNH CHO CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP)

TP. Hồ Chí Minh, 2022

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	4
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	4
1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM.....	5
1.4. Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, chính sách chất lượng của V. ĐTSĐH-KHCN.....	8
1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	9
1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	10
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp thạc sĩ.....	15
1.8. Quá trình đào tạo.....	15
1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập.....	16
1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá	21
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	29
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	29
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy	29
2.3. Danh sách học phần	32
2.4. Tiến trình giảng dạy	34
2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần.....	38
2.6. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo	43
3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	44

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán (Master of Accounting) của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM, mã ngành: 8340301, được cấp phép mở ngành theo Quyết định số 1057/QĐ-BGDĐT ngày 30/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo thuộc quản lý của Viện Đào tạo sau đại học và Khoa học công nghệ (V.ĐTSĐH-KHCN).

Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán được xây dựng theo Quyết định số 2677/GD-ĐT ngày 03/12/1993, hoàn thiện theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; và Cập nhật điều chỉnh theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ GDĐT v/v Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Khóa tuyển sinh đầu tiên vào năm 2017, tính đến 2022, đã có 06 khóa được tuyển sinh đào tạo. Trong quá trình tổ chức đào tạo, V.ĐTSĐH-KHCN liên tục thực hiện các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) thông qua thực hiện việc rà soát, chỉnh lý, cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng những thay đổi, những yêu cầu mới của xã hội. Cụ thể: V.ĐTSĐH-KHCN dựa trên việc tham khảo, đối chiếu, so sánh các CTĐT của các trường uy tín nước ngoài cũng như các cơ sở giáo dục trong nước, theo ý kiến khảo sát phản hồi của người học (học viên, cựu học viên), ý kiến đóng góp của doanh nghiệp (người sử dụng lao động), các ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, nhà quản lý, nhà khoa học, hội nghề nghiệp,...) để tiến hành điều chỉnh CTĐT ít nhất 2 năm 1 lần và được đánh giá, nghiệm thu bởi Hội đồng khoa học và đào tạo.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Các thông tin chung về CTĐT được cho ở Bảng 1.1.

1.	Tên gọi:	KẾ TOÁN (ACCOUNTING)
2.	Bậc:	Thạc sĩ
3.	Loại bằng:	Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán
4.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
5.	Thời gian:	2 năm (4 học kỳ)
6.	Số tín chỉ:	60 tín chỉ tích lũy
7.	Đơn vị quản lý:	Viện Đào tạo sau đại học và Khoa học công nghệ
8.	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
9.	Website:	www.uef.edu.vn
10.	Facebook:	
11.	Ban hành:	Quyết định số: 118 /QĐ-UEF, ngày ban hành: 15.../.../2022

1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM

“Chất lượng – Hiệu quả - Hội nhập”

A: Chất lượng: Lấy chất lượng làm nền tảng cho mọi mặt hoạt động của nhà trường.

B: Hiệu quả: Lấy sự hài lòng của các bên liên quan làm thước đo hiệu quả của Nhà trường.

C: Hội nhập: Chủ động hợp tác quốc tế, chia sẻ, tiếp thu, đổi mới và phát triển bền vững.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Kế toán như ở Bảng 1.2.

Bảng 1.2 Triết lý giáo dục của trường Đại học UEF được chuyển tải vào CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Kế toán

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kế toán			Triết lý giáo dục của UEF		
			A	B	C
Kiến thức chương trình chính khóa	Kiến thức chung	Hệ thống các kiến thức tổng quát về triết học, cơ sở lý luận về khoa học kinh tế, xã hội – nhân văn, xác lập thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng (Triết học)	X	X	X
		Kiến thức nền tảng về các phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, quản lý, kinh doanh (Phương pháp nghiên cứu khoa học)	X	X	X
	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học vi mô, vĩ mô (Kinh tế học)	X	X	X
		Hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê, mô hình toán học thông dụng vận dụng các định lý, phương pháp nghiên cứu (định tính, định lượng) để đo lường, đánh giá các đại lượng kinh tế bằng phần mềm SPSS, AMOS (Thống kê và phân tích dữ liệu)	X	X	X
		Kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán tài chính	X	X	X
		Kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán quản trị	X	X	X
		Kiến thức nền tảng và hiện đại về kinh tế lượng tài chính	X	X	X
		Kiến thức nền tảng và hiện đại về phân tích tài chính	X	X	X
		Kiến thức nền tảng và hiện đại về lý thuyết kế toán, các trường phái kế toán	X	X	X

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kế toán			Triết lý giáo dục của UEF		
			A	B	C
		Kiến thức về thu thập dữ liệu, trình bày dữ liệu, phân tích dữ liệu, dự báo và ra quyết định trong kế toán; kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề trong kế toán (Chuyên đề nghiên cứu kế toán)	X	X	X
		Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kiểm toán	X	X	X
		Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán công	X	X	X
		Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về luật hợp đồng	X	X	X
		Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kiểm soát nội bộ	X	X	X
		Kiến thức nền tảng và hiện đại về đạo đức kế toán kiểm toán	X	X	X
		Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán tài chính quốc tế.	X	X	X
		Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	X	X	X
		Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về hệ thống thông tin kế toán	X	X	X
	Kiến thức tốt nghiệp	Phát triển kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo (Chuyên đề thực tế, Đề án tốt nghiệp)	X	X	X
Hoạt động ngoại khóa	Hoạt động học thuật	- Hội thảo khoa học, - Báo cáo chuyên đề, ...	X	X	X
		Nghiên cứu, công bố khoa học, ...	X	X	X
		Tham quan, kết nối doanh nghiệp	X	X	X
	Hoạt động cộng đồng	Hoạt động thiện nguyện, tình nguyện	X	X	X
CĐR chương trình (PLOs)	PLO1	Phát triển và nâng cao các kiến thức tổng hợp về pháp luật, kinh tế, quản trị nói chung và đặc biệt là các kiến thức trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	X	X	X
	PLO2	Phát triển hệ thống các kiến thức về kế toán - tài chính chuyên sâu, hiện đại và quốc tế để có thể vận dụng trong việc đảm nhận các công việc của chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	X	X	X

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kế toán		Triết lý giáo dục của UEF		
		A	B	C
PLO3	Phát triển các kiến thức thực tiễn hỗ trợ cho việc hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng kế toán - tài chính trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế tại các đơn vị và tổ chức.	X	X	X
PLO4	Phát triển tư duy phân tích, nhận diện và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	X	X	X
PLO5	Phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá và hệ thống hoá dữ liệu và thông tin để nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính một cách khoa học, hiệu quả và đột phá.	X	X	X
PLO6	Phát triển năng lực ngoại ngữ để có thể giao tiếp và làm việc trong môi trường quốc tế.	X	X	X
PLO7	Phát triển năng lực tự học tập và tự nghiên cứu suốt đời; phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi, cạnh tranh và quốc tế hoá.	X	X	X
PLO8	Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, phản biện nhằm tìm ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.	X	X	X
PLO9	Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập, sáng tạo để phát triển, thử nghiệm những giải pháp mới trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	X	X	X
PLO10	Tuân thủ pháp luật; thực hiện tốt trách nhiệm công dân, cộng đồng xã hội, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp.	X	X	X
PLO11	Nâng cao tính chuyên nghiệp và tác phong; làm việc khoa học, thích nghi trong môi trường biến động, cạnh tranh, hội nhập quốc tế.	X	X	X
PLO12	Phát triển năng lực hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả, phát huy trí tuệ tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.	X	X	X

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kế toán		Triết lý giáo dục của UEF		
		A	B	C
PLO13	Phát triển khả năng nghiên cứu, dẫn dắt chuyên môn để đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	X	X	X

1.4. Tâm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, chính sách chất lượng của V. ĐTSĐH-KHCN

Viện Đào tạo sau đại học và Khoa học công nghệ được thành lập theo Quyết định số 32/QĐ-HĐT ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng trường UEF trên cơ sở sát nhập từ Phòng Đào tạo sau đại học và Phòng Khoa học công nghệ, trực thuộc Ban Giám hiệu; có chức năng tham mưu và giúp Ban Giám hiệu thực hiện công tác tuyển sinh, quản lý và tổ chức đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ NCKH và chuyên giao công nghệ; xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển KHCN; quản lý hoạt động KHCN, chuyên giao tiến bộ khoa học và thực hiện quản lý tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ của Trường.

Trên cơ sở tâm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của UEF, V.ĐTSĐH-KHCN đã xây dựng, cụ thể hóa phù hợp với chức năng và nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Bảng 1.3. Tâm nhìn, sứ mạng UEF và V. ĐTSĐH-KHCN

	UEF	V. ĐTSĐH-KHCN
Tâm nhìn	UEF sẽ trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội.	V.ĐTSĐH-KHCN sẽ trở thành đơn vị dẫn đầu của UEF, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội.
Sứ mạng	UEF có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu; xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo; phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.	V.ĐTSĐH-KHCN có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu; xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp học viên phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo; phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.

	UEF	V. ĐTSĐH-KHCN
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none"> • Lấy người học làm trung tâm; • Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo; • Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội; • coi trọng văn hóa chất lượng; • Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> • Lấy học viên làm trung tâm; • Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo; • Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội; • coi trọng văn hóa chất lượng; • Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế.

Chính sách chất lượng:

- Liên tục cải tiến chương trình, phương pháp dạy – học, quản lý đào tạo nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất và tính chủ động, tích cực của học viên, hình thành khả năng học tập suốt đời.
- Cập nhật hướng phát triển của ngành học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 vào quá trình đào tạo, nghiên cứu.
- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên, phấn đấu trở thành đơn vị cung cấp các giải pháp khoa học cho những vấn đề liên quan đến kinh doanh, quản trị và nền kinh tế hội nhập.
- Xây dựng và phát triển văn hóa của đơn vị trên nền tảng của Nhà trường, tạo nên môi trường giáo dục tốt, thân thiện, luôn tạo điều kiện thuận lợi để học viên phát huy tối đa năng lực, sở trường của bản thân; là nơi rèn luyện phẩm chất đạo đức, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ.
- Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua việc tuyển chọn, bồi dưỡng; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, năng lực giảng dạy và nghiên cứu.
- Duy trì và mở rộng liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước nhằm trao đổi chuyên môn và cung cấp cho học viên những chương trình đào tạo đa dạng theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Tăng cường hợp tác doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động nhằm nắm bắt nhu cầu, tuyển sinh, phối hợp trong công tác tạo tạo và tạo việc làm, tham quan, kiến tập,..
- V.ĐTSĐH-KHCN áp dụng chu trình "Lập kế hoạch - Triển khai - Giám sát - Cải tiến" (PDCA: Plan - Do - Check - Act) trong mọi mặt hoạt động của đơn vị (ĐT, NCKH, hợp tác và PVCĐ) nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.5.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán theo hướng ứng dụng, đào tạo cho học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng và chuyên nghiệp; cung cấp cho người học nền tảng kiến thức chuyên sâu; có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán - tài chính và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tế công việc tại đơn vị.

1.5.1. Mục tiêu cụ thể

Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán có khả năng:

- **PO1.** Đào tạo học viên làm chủ kiến thức chuyên ngành kế toán - tài chính, có thể đảm nhận được công việc của chuyên gia liên quan đến lĩnh vực; có tư duy phân biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến và hiện đại liên quan đến lĩnh vực; như: các chính sách, chế độ, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp và kế toán khu vực công; cách thức tổ chức và thiết kế hệ thống dữ liệu kế toán - tài chính, xây dựng các quy trình nghiệp vụ kế toán, cũng như thiết kế hệ thống báo cáo quản trị phục vụ công tác quản lý; các phương pháp xây dựng các mô hình và chiến lược trong quản trị tài chính của các đơn vị.
- **PO2.** Phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp, như: hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng thuộc lĩnh vực kế toán - tài chính tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập quốc tế.
- **PO3.** Phát triển kỹ năng phân tích tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, nhận biết và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính; có kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và phát triển nghề nghiệp trong môi trường quốc tế; có kỹ năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có năng lực tự nghiên cứu và tự học tập suốt đời.
- **PO4.** Hiểu biết và tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp, nâng cao tính chuyên nghiệp; có năng lực nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực kế toán - tài chính; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để đưa ra các kết luận, sáng kiến quan trọng mang tính chuyên gia, đột phá nhằm nâng cao hiệu quả của đơn vị và xử lý những vấn đề phức tạp liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

- Về kiến thức:

- **PLO1.** Phát triển và nâng cao các kiến thức tổng hợp về pháp luật, kinh tế, quản trị nói chung và đặc biệt là các kiến thức trong lĩnh vực kế toán - tài chính.
- **PLO2.** Phát triển hệ thống các kiến thức về kế toán - tài chính chuyên sâu, hiện đại và quốc tế để có thể vận dụng trong việc đảm nhận các công việc của chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - tài chính.
- **PLO3.** Phát triển các kiến thức thực tiễn hỗ trợ cho việc hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng kế toán - tài chính trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế tại các đơn vị và tổ chức.
- **PLO4.** Phát triển tư duy phân tích, nhận diện và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính.

Về kỹ năng:

- **PLO5.** Phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá và hệ thống hoá dữ liệu và thông tin để nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính một cách khoa học, hiệu quả và đột phá.

- **PLO6.** Phát triển năng lực ngoại ngữ để có thể giao tiếp và làm việc trong môi trường quốc tế.
- **PLO7.** Phát triển năng lực tự học tập và tự nghiên cứu suốt đời; phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi, cạnh tranh và quốc tế hoá.
- **PLO8.** Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, phân biện nhằm tìm ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.
- **PLO9.** Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập, sáng tạo để phát triển, thử nghiệm những giải pháp mới trong lĩnh vực kế toán - tài chính.

- Về Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- **PLO10.** Tuân thủ pháp luật; thực hiện tốt trách nhiệm công dân, cộng đồng xã hội, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp.
- **PLO11.** Nâng cao tính chuyên nghiệp và tác phong; làm việc khoa học, thích nghi trong môi trường biến động, cạnh tranh, hội nhập quốc tế.
- **PLO12.** Phát triển năng lực hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả, phát huy trí tuệ tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.
- **PLO13.** Phát triển khả năng nghiên cứu, dẫn dắt chuyên môn để đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - tài chính.

Bảng 1.4. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình POs và Chuẩn đầu ra PLOs

TT	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mục tiêu đào tạo cụ thể			
		PO1	PO2	PO3	PO4
I.	KIẾN THỨC				
PLO1	Phát triển và nâng cao các kiến thức tổng hợp về pháp luật, kinh tế, quản trị nói chung và đặc biệt là các kiến thức trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	X			
PLO2	Phát triển hệ thống các kiến thức về kế toán - tài chính chuyên sâu, hiện đại và quốc tế để có thể vận dụng trong việc đảm nhận các công việc của chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	X	X		
PLO3	Phát triển các kiến thức thực tiễn hỗ trợ cho việc hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng kế toán - tài chính trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế tại các đơn vị và tổ chức.	X		X	

TT	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mục tiêu đào tạo cụ thể			
		PO1	PO2	PO3	PO4
PLO4	Phát triển tư duy phân tích, nhận diện và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	X		X	
II.	KỸ NĂNG				
PLO5	Phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá và hệ thống hoá dữ liệu và thông tin để nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính một cách khoa học, hiệu quả và đột phá.		X	X	
PLO6	Phát triển năng lực ngoại ngữ để có thể giao tiếp và làm việc trong môi trường quốc tế.			X	
PLO7	Phát triển năng lực tự học tập và tự nghiên cứu suốt đời; phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi, cạnh tranh và quốc tế hoá.			X	
PLO8	Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, phản biện nhằm tìm ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.			X	X
PLO9	Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập, sáng tạo để phát triển, thử nghiệm những giải pháp mới trong lĩnh vực kế toán - tài chính.			X	X
III.	MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM				
PLO10	Tuân thủ pháp luật; thực hiện tốt trách nhiệm công dân, cộng đồng xã hội, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp.				X
PLO11	Nâng cao tính chuyên nghiệp và tác phong; làm việc khoa học, thích nghi trong môi trường biến động, cạnh tranh, hội nhập quốc tế.		X		X
PLO12	Phát triển năng lực hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả, phát huy trí tuệ tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.		X		X
PLO13	Phát triển khả năng nghiên cứu, dẫn dắt chuyên môn để đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - tài chính.				X

**Bảng 1.5. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Kế toán
đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang đo nhận thức Bloom**

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang đo nhận thức Bloom
PLO1. Phát triển và nâng cao các kiến thức tổng hợp về pháp luật, kinh tế, quản trị nói chung và đặc biệt là các kiến thức trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	K1	4,0
PLO2. Phát triển hệ thống các kiến thức về kế toán - tài chính chuyên sâu, hiện đại và quốc tế để có thể vận dụng trong việc đảm nhận các công việc của chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	K1, K2, K3	5,0
PLO3. Phát triển các kiến thức thực tiễn hỗ trợ cho việc hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng kế toán - tài chính trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế tại các đơn vị và tổ chức.	K1, K2, K3	5,0
PLO4. Phát triển tư duy phân tích, nhận diện và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	K1, K3	5,0
PLO5. Phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá và hệ thống hoá dữ liệu và thông tin để nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính một cách khoa học, hiệu quả và đột phá.	S1, S4	5,0
PLO6. Phát triển năng lực ngoại ngữ để có thể giao tiếp và làm việc trong môi trường quốc tế.	S3	5,0
PLO7. Phát triển năng lực tự học tập và tự nghiên cứu suốt đời; phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi, cạnh tranh và quốc tế hoá.	S1, S4	5,0
PLO8. Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, phản biện nhằm tìm ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.	S5	3,0
PLO9. Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập, sáng tạo để phát triển, thử nghiệm những giải pháp mới trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	S2	4,0
PLO10. Tuân thủ pháp luật; thực hiện tốt trách nhiệm công dân, cộng đồng xã hội, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp.	C2	4,0
PLO11. Nâng cao tính chuyên nghiệp và tác phong; làm việc khoa học, thích nghi trong môi trường biến động, cạnh tranh, hội nhập quốc tế.	C2	5,0

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang đo nhận thức Bloom
PLO12. Phát triển năng lực hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả, phát huy trí tuệ tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán - tài chính.	C2, C4	5,0
PLO13. Phát triển khả năng nghiên cứu, dẫn dắt chuyên môn để đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - tài chính.	C1, C3	5,0

Danh mục các chuẩn đối sánh

(1) Thang đo nhận thức Bloom

Bảng 1.6. Thang đo nhận thức Bloom

Mức nhận thức		Động từ
06	Sáng tạo	Thiết kế, lắp ráp, xây dựng, phỏng đoán, phát triển, điều tra, ..
05	Đánh giá	Đánh giá, tranh luận, xác định, lựa chọn, hỗ trợ, phê bình, cân nhắc,
04	Phân tích	Phân biệt, tổ chức, liên hệ, so sánh, đối chiếu, kiểm tra, thử nghiệm, đặt câu hỏi, ...
03	Áp dụng	Thực hiện, giải quyết, sử dụng, chứng minh, diễn giải, vận hành, lên lịch, phát thảo,...
02	Hiểu	Phân loại, mô tả, thảo luận, giải thích, xác định, báo cáo, nhận biết, lựa chọn,..
01	Ghi nhớ	Định nghĩa, sao chép, liệt kê, ghi nhớ, lặp lại,...

(2) Khung TĐQG – Khung trình độ quốc gia – bậc 7 (trích Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Kiến thức (K):

- K1. Kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo;
- K2. Kiến thức liên ngành có liên quan;
- K3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý;

Kỹ năng (S):

- S1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;

- S2. Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác;
- S3. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến;
- S4. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp;
- S5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

- C1. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng;
- C2. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác;
- C3. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn;
- C4. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp thạc sĩ

1.7.1. Cơ hội việc làm

Người học tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán có thể đảm nhận các vị trí:

- Chuyên viên bậc cao về kế toán, kiểm soát, kiểm toán, tài chính tại các tổ chức kinh doanh, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngân hàng và các tổ chức tín dụng và các tổ chức công của Nhà nước (như: kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát nội bộ, kiểm ban kiểm soát/kiểm toán,...).
- Chuyên gia phân tích, tư vấn ứng dụng ở trình độ cao trong lĩnh vực kế toán - tài chính tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các tổ chức công của Nhà nước nhằm cải tiến công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán và quản lý tài chính.
- Chuyên gia tư vấn, nghiên cứu độc lập về kế toán, kiểm toán, tài chính hoặc tham gia ở vị trí cấp quản lý tại các phòng ban (như: phòng tài chính, phòng kiểm toán độc lập, phòng kế hoạch, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro, hoặc tham gia vào ban quản lý cấp cao,...) trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngân hàng và tổ chức tín dụng, các tổ chức công của Nhà nước.
- Chuyên gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành trong lĩnh vực kế toán - tài chính tại các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước.

1.7.2. Cơ hội học tập

- Tiếp tục học nâng cao, nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ của các trường đại học, học viện trong nước và quốc tế.

1.8. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành kế toán được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm: 60 tín chỉ tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ GD-ĐT (cụ thể là Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ GDĐT v/v Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ), Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định hiện hành của UEF. CTĐT được thiết kế với thời gian đào tạo là 2 năm (4 học kỳ), học viên có thể tạm dừng học, kéo dài thời gian học

nhưng tổng thời gian đào tạo không quá 4,0 năm (8 học kỳ) kể từ ngày nhập học chính thức. Các học kỳ được phép tạm dừng học (nếu có) đều được tính chung vào tổng thời gian đào tạo.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Hoạt động dạy – học được thiết kế cho chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh nhằm đảm bảo cho học viên phát triển toàn diện cả về kiến thức lẫn, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm (thái độ). Chiến lược giảng dạy – học tập đa dạng được áp dụng nhằm giúp cho học viên đạt được các chuẩn đầu ra. Bao gồm:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Thông tin được chuyển tải đến học viên theo các trực tiếp: Giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này áp dụng cho mô hình lớp học truyền thống và trong trường hợp truyền đạt thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các kỹ thuật giảng dạy cụ thể:

- **Giải thích cụ thể (Explicit Teaching):** Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng;
- **Thuyết giảng (Lecture):** Giảng viên thuyết trình, diễn giảng: trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Học viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận (Guest Lecture):** nhà quản lý, nhà khoa học hoặc chuyên gia đến từ bên ngoài (doanh nghiệp, cơ quan quản lý nghề nghiệp,..). Thông qua kinh nghiệm và hiểu biết, diễn giả giúp học viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực chuyên môn, mang tính thực tiễn cao.
- **Câu hỏi gợi mở (Inquiry):** Trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó, dẫn dắt, hướng dẫn học viên từng bước trả lời từng câu hỏi. Học viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đã đặt ra.
- **Các kỹ thuật khác:** Ngoài các kỹ thuật trên giảng viên có thể áp dụng một số kỹ thuật khác như minh họa (demonstration).

1.9.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động

Chiến lược này khuyến khích học viên đạt mục tiêu học tập thông qua các hoạt động, thực hành, thúc đẩy học viên khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với đối tượng khác. Chiến lược này còn gọi là phương pháp học tập dựa trên dự án, tạo điều kiện cho học viên thể hiện vai trò trong cả hoạt động độc lập lẫn hợp tác. Học viên không chỉ thu thập được kiến thức mà còn phát triển kỹ năng và rèn luyện thái độ chịu trách nhiệm.

- **Trò chơi (Games):** Là những hoạt động mô phỏng hoặc các cuộc thi (có hợp tác, cạnh tranh) được tổ chức chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi giúp học viên gạt hái được kiến thức thông qua ứng dụng thực tế, ra quyết định trong hoạt động mô phỏng nghề nghiệp, mặt khác, có thể phát triển kỹ năng làm việc nhóm và cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp học viên nhận thức về tầm ảnh hưởng của quyết định của mình đến bản thân và đến những người tham gia khác.
- **Thực tập, trải nghiệm thực tế (Field Trip):** Thông qua hoạt động tham quan, kiến tập, thực tập tại các doanh nghiệp, học viên hiểu được môi trường làm việc thực tế

của ngành nghề đang được đào tạo, tiếp cận công nghệ đang được ứng dụng, nhận diện được các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và văn hóa làm việc tại công ty. Phương pháp này không chỉ giúp học viên đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn giúp học viên tiếp cận cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

- **Tranh luận (Debates):** Trong quá trình dạy học, giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên trình bày quan điểm khác nhau về vấn đề, lý giải, phân tích, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua phương pháp này, học viên hình thành kỹ năng tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định, rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông.
- **Thảo luận (Discussion):** Học viên được chia thành các nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập tình huống) do giảng viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy học viên phân tích các định nghĩa, dữ liệu, nêu quan điểm và thảo luận với giảng viên về đề tài. Việc tiếp cận và lắng nghe nhiều quan điểm giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống.

1.9.3. Chiến lược dạy học dựa vào nghệ thuật

Giúp học viên phát triển khả năng sáng tạo, phát triển cảm xúc qua giao tiếp xã hội. Phương pháp đóng vai (Role Play) có vai trò chủ đạo thực hiện chiến lược này, theo đó, học viên được giả định vai trò khác nhau trong một tình huống học tập và thực hiện tương tác nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể.

1.9.4. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy giúp học viên phát triển tư duy phản biện, tư duy phân tích, thúc đẩy tư duy sáng tạo độc lập.

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Học viên làm việc với vấn đề được đặt ra và học được kiến thức mới, phát triển kỹ năng thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết, tìm giải pháp cho vấn đề.
- **Tập kích não (Brainstorming):** Học viên được chia nhóm, cùng chia sẻ và thảo luận ý tưởng cho vấn đề đặt ra.
- **Bài tập tình huống (Case Study):** Giảng viên đưa ra các tình huống, vấn đề trong thực tế có liên quan bài học yêu cầu học viên giải quyết. Học viên là chủ thể, là trung tâm giải quyết vấn đề, qua đó hình thành và phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng nghiên cứu.

1.9.5. Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược này giúp học viên trở nên năng động, có trách nhiệm thông qua việc thúc đẩy các nhóm tương tác. Trọng tâm là dạy học viên tương tác thành công với nhau nhằm chuyển thành kỹ năng tương tác hiệu quả trong xã hội. **Học nhóm (Teamwork Learning)** là phương pháp chủ đạo cho chiến lược này. Học viên được tổ chức thành nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra và trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm thông qua báo cáo/ thuyết trình trước lớp với sự điều khiển của giảng viên.

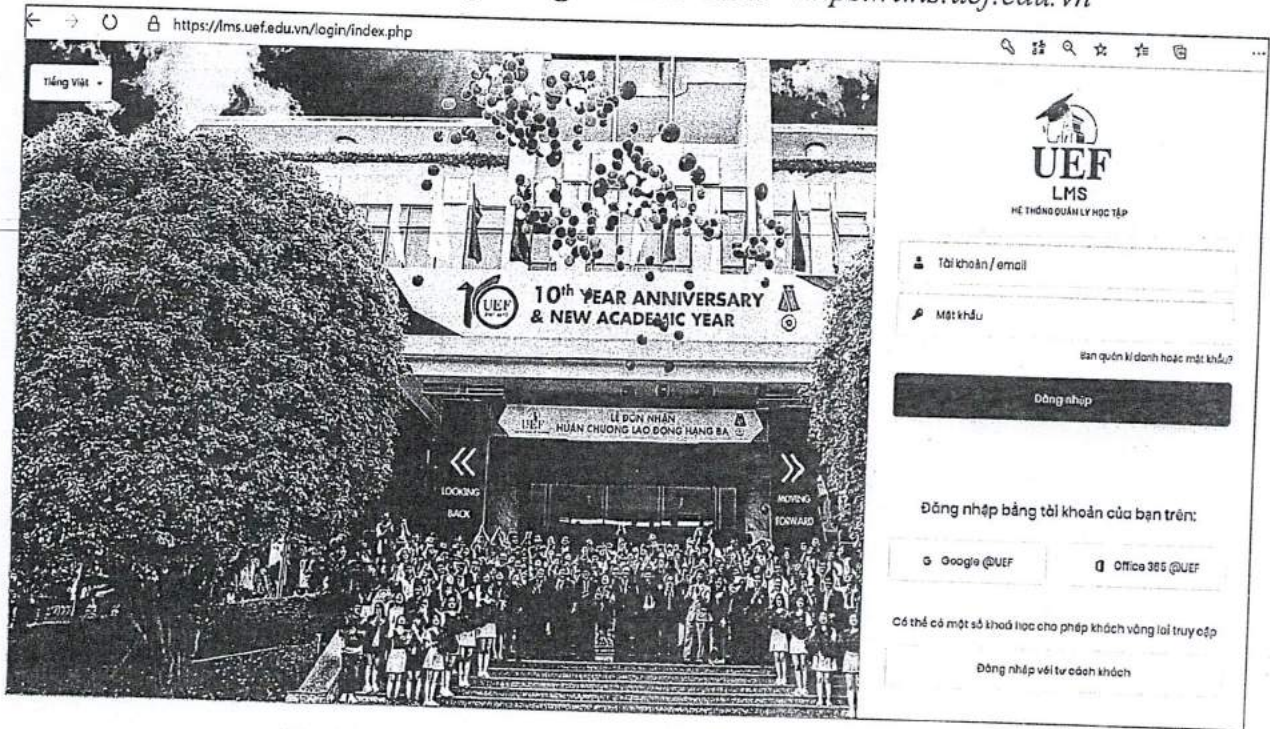
1.9.6. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Học viên xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm phương pháp phù hợp để giải quyết vấn đề hoặc báo cáo các kết quả nghiên cứu dựa trên các bằng chứng thu thập được. **Dự án nghiên cứu (Project Research)** được áp dụng trong một số môn học chuyên ngành, nhằm giúp học viên phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu.

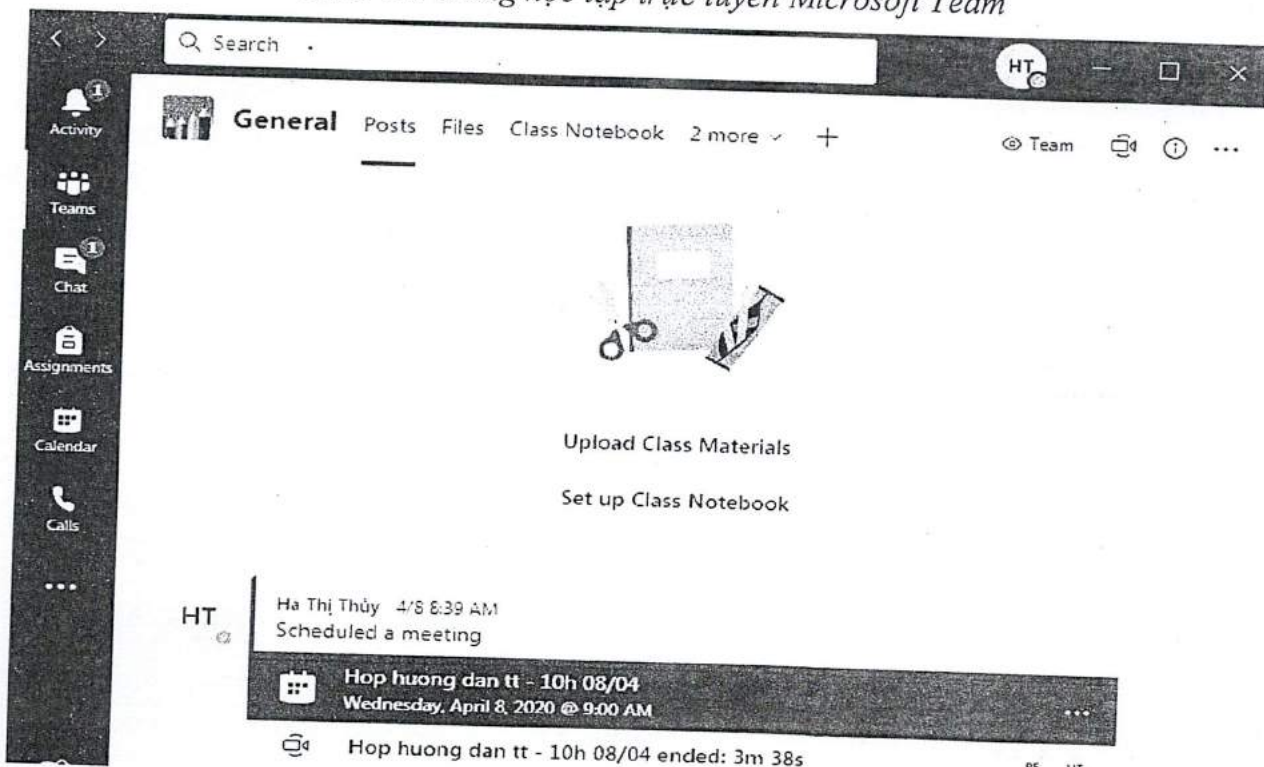
1.9.7. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp (Blended Model) nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning). Thông qua hệ thống quản trị học tập (UEF-LMS), giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của học viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số quá trình đào tạo ngành, chuyên ngành Kế toán trong bối cảnh của CMCN 4.0.

Hình 1.1- Cổng thông tin UEF-LMS <https://lms.uef.edu.vn>



Hình 1.2 Trang học tập trực tuyến Microsoft Team



1.9.8. Chiến lược tự học

Chiến lược này nhằm hình thành kỹ năng học tập suốt đời, tự phát triển năng lực bản thân của học viên. Các bài viết (Work Assignment) được giảng viên cho về nhà nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Học viên chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết, thông qua đó học viên rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng nghiên cứu.

Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và phương pháp dạy – học		PLOs												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Dạy học trực tiếp													
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	X	X			X		X						X
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	
TLM5	Các phương pháp khác (Others)													
II	Dạy học dựa vào hoạt động – Trải nghiệm													
TLM6	Trò chơi (Game)		X	X	X								X	
TLM7	Thực tập, thực tế (Field Trip)	X	X		X	X		X		X	X	X		X
TLM8	Tranh luận (Debates)						X		X	X	X	X	X	
TLM9	Thảo luận (Discussion)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
TLM10	Mô hình (Models)	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
III	Dạy dựa vào nghệ thuật													

Chiến lược và phương pháp dạy – học		PLOs												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TLM11	Đóng vai (Role Play)													
IV	Dạy kỹ năng tư duy													
TLM12	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
TLM13	Tập kích não (Brainstorming)	X			X	X	X	X						X
TLM14	Học theo tình huống (Case Study)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X
V	Dạy học tương tác													
TLM15	Học nhóm (Teamwork Learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
VI	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy													
TLM16	Nghiên cứu độc lập	X	X	X	X	X	X	X	X				X	X
TLM17	Dự án nghiên cứu (Research Project)	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
TLM18	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)													
VII	Dạy học dựa vào công nghệ													
TLM19	Học trực tuyến (E-Learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
VIII	Tự học													
TLM20	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá

1.10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của học viên là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của học viên trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, V. ĐTSĐH-KHCN thiết kế và công bố, làm rõ cho học viên trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, các bên liên quan; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, V. ĐTSĐH-KHCN, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

V.ĐTSĐH-KHCN đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin nhằm đánh giá mức độ tiến bộ của học viên cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kế toán được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/ Formative Assessment) và đánh giá tổng kết (cuối kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.10.1.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going / Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và học viên về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được UEF, V. ĐTSĐH-KHCN áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attendant check), đánh giá bài tập (work assignments), thuyết trình (oral presentation), kiểm tra viết (written exam).

- **Đánh giá chuyên cần (Attendant Check):** Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp, trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của học viên; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho học viên tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi học viên tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định: lý thuyết, thực hành, đồ án, ...
- **Đánh giá bài tập (Work Assigmeent):** Học viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm học viên được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.
- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):** Trong một số học phần môn học, học viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp học viên đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của học viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể.

- **Kiểm tra viết** (Written Exam): theo phương pháp đánh giá này, học viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

1.10.1.2. **Đánh giá tổng kết (cuối kỳ) (Summative Assessment)**

Mục tiêu của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của học viên tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được UEF, V. ĐTSĐH-KHCN sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), đề án tốt nghiệp (Thesis).

- **Kiểm tra viết** (Written Exam): theo phương pháp đánh giá này, học viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
- **Kiểm tra trắc nghiệm** (Multiple Choice Exam): Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, học viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này học viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.
- **Bảo vệ và thi vấn đáp** (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, học viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric.
- **Viết báo cáo** (Written Report): học viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ ... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.
- **Đánh giá thuyết trình** (Oral Presentation): Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).
- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của học viên (như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành (practice):** Trong một số học phần môn học, học viên được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của học viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể.
- **Chuyên đề thực tế/ Đề án tốt nghiệp (Practical topics / Thesis):** được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn chuyên đề, hội đồng đánh giá-đề án tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt CDR (PLOs)

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Đánh giá theo tiến trình (On-going / Formative Assessment)													
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendee Check)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
AM3	Đánh thuyết trình (Oral Presentation)	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
II	Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)													
AM3	Thuyết trình (Oral Presentation)								X	X	X	X	X	
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	X							X		X	X		X
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm													

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	(Multiple Choice Exam)													
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	X	X		X		X	X				X		X
AM7	Viết báo cáo (Written Report)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)													
AM9	Thực hành (Practice)		X			X	X	X		X	X	X		
AM10	Chuyên đề thực tế/ Đề án tốt nghiệp (Practical topics / Thesis)	X	X		X	X		X				X		X

1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubric)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, V. ĐTSĐH-KHCN đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể thực hiện việc đánh giá học viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như rubric đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các rubric đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kế toán. Ví dụ như sau:

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (AM1)

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80- 90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

Rubric 2: Đánh giá bài tập cá nhân (AM2)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức trình bày	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	----- -		Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả	
Nội dung trình bày/Chất lượng trình bày	90%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
ĐIỂM TỔNG						

Rubric 3: Đánh giá làm việc nhóm và thuyết trình (AM3)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức báo cáo	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	-----	-----	Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	-----	-----	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Nội dung báo cáo/Chất lượng báo cáo	40%	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
Tham gia thực hiện	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	
ĐIỂM TỔNG						

Rubric 4: Viết báo cáo (AM7)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định			Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic			Không theo quy định, không lô-gic	
Tài liệu tham khảo	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức			Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung cơ sở lý thuyết	20%					
Nội dung thực trạng và phân tích	30%	Đáp ứng 80% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70% - 80% yêu cầu	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung kết luận/giải pháp/khuyến nghị	20%					
ĐIỂM TỔNG						

Rubric: Checklist đánh giá Đề án tốt nghiệp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU CHẤM ĐIỂM BẢO VỆ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP

Hội đồng chuyên ngành:

Họ và tên học viên: MSHV:

Tên đề tài:

Phân đánh giá và cho điểm của Ủy viên hội đồng (UVHĐ) (theo thang điểm 10, lẻ đến một chữ số thập phân):

TT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa	Kết quả
1	Nội dung đề án + Đáp ứng yêu cầu của một đề án Thạc sĩ	5,5 đ	
2	Hình thức đề án	1,5 đ	
	+ Bố cục của đề án, cách hành văn + Hình thức trình bày (in ấn, format, hình ảnh, ...)	1,0 đ 0,5 đ	
3	Báo cáo trước Hội đồng	2,0 đ	
	+ Trình bày: phương pháp, tác phong + Trả lời câu hỏi của Hội đồng	1,0 đ 1,0 đ	
4	Điểm thành tích nghiên cứu + Có bài báo khoa học liên quan đến kết quả của đề án được công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định. + Hoặc có đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu.	1,0	
	Tổng	10,0 điểm	

Những nội dung cần chỉnh sửa:

.....
.....
.....
.....
.....

Kết luận: Điểm số:, bằng chữ:

Ngày tháng ... năm

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy.

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy thạc sĩ chuyên ngành Kế toán

TT	Thành phần	Số tín chỉ			Tỷ lệ %
		Bắt buộc	Tự chọn	Cộng	
1	Kiến thức chung	6	-	6	10,0
2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	24	15	39	65,0
3	Kiến thức tốt nghiệp	15	-	15	25,0
	Cộng	45	15	60	100,0

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Kiến thức chung (06 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho học viên:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về triết học, cơ sở lý luận về khoa học kinh tế, xã hội – nhân văn, xác lập thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng.
- Kiến thức nền tảng về các phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, quản lý, kinh doanh.

2.2.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (39 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho học viên:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học vi mô, vĩ mô.
- Hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê, mô hình toán học thông dụng vận dụng các định lý, phương pháp nghiên cứu (định tính, định lượng) để đo lường, đánh giá các đại lượng kinh tế bằng phần mềm SPSS, AMOS.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán tài chính.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán quản trị.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về kinh tế lượng tài chính.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về phân tích tài chính.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán).

- Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kiểm toán.
- Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán công.
- Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về luật hợp đồng.
- Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kiểm soát nội bộ.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về đạo đức kế toán kiểm toán.
- Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán tài chính quốc tế.
- Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính.
- Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về hệ thống thông tin kế toán.
- Chuyên đề về nghiên cứu kế toán.

2.2.3. Kiến thức tốt nghiệp (15 tín chỉ):

- Chuyên đề thực tế về kế toán.
- Đề án nghiên cứu chuyên sâu về kế toán.

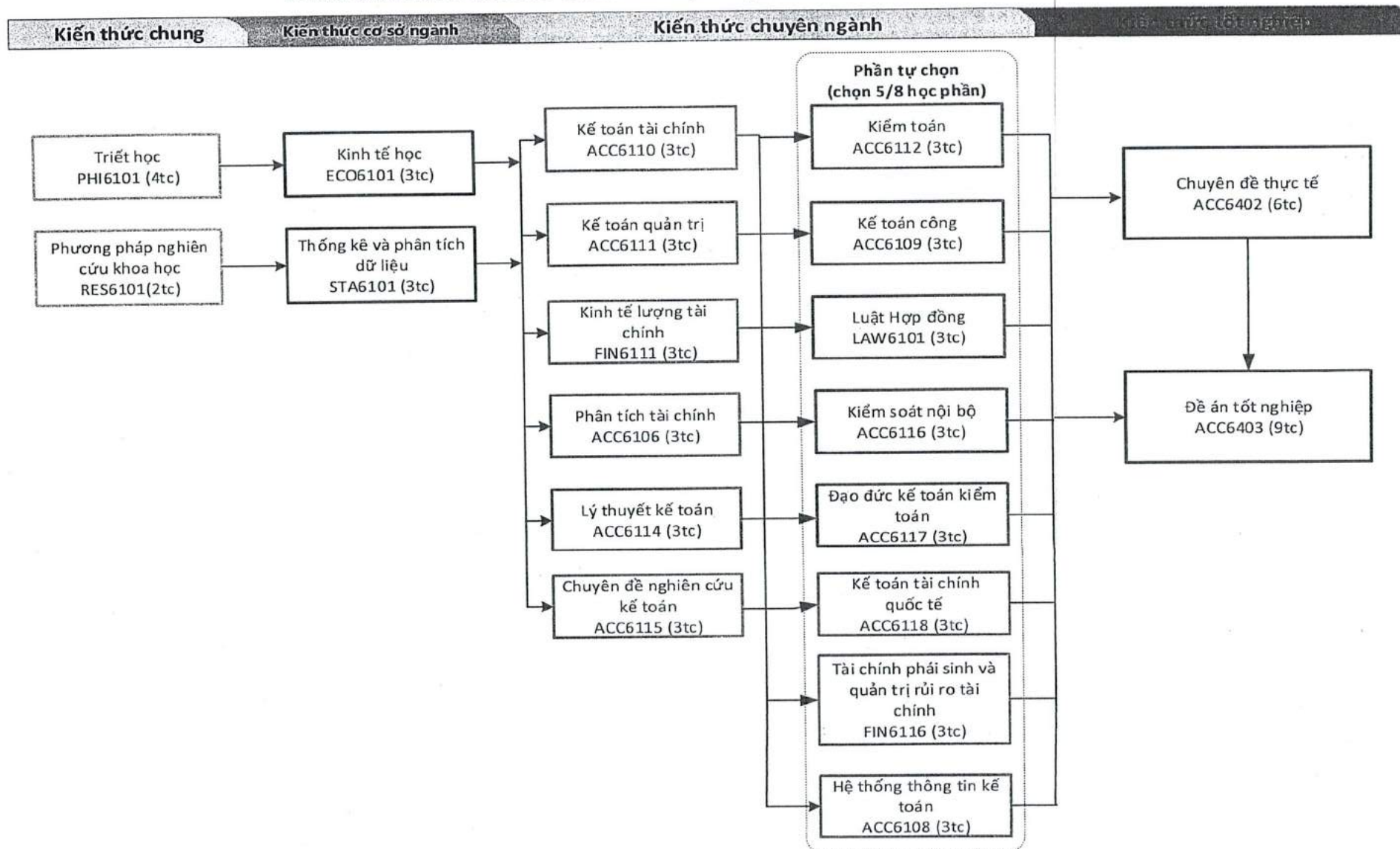
Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Thành phần	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)														
		SL	%	Kiến thức				Kỹ năng					Mức độ tự chủ và trách nhiệm					
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
1	Kiến thức chung	6	10,0	M	M					M	M					M		
2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	39	65,0	H	H	H	M	H	H	H	M	M	M	H	H	H		
3	Kiến thức tốt nghiệp	15	25,0	M	H		H	H		H					H			H
	Cộng:	60	100															

Chú thích: H – Cao, M – Trung bình, L – Thấp.

Hình 2.1. Chuỗi kiến thức chương trình đào tạo

CHUỖI KIẾN THỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN



2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.3. Danh sách học phần trong chương trình thạc sĩ chuyên ngành Kế toán

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ	Số tiết					Mã HP trước	Ghi chú
					<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH/TN	ĐA/LV	TT		
A. Kiến thức chung				6							
1	PHI6101	Triết học	Philosophy	4	60	45	15				
2	RES6101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	2	30	25	5				
B. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành				39							
B.1. Học phần bắt buộc				24							
B.1.1. Các học phần cơ sở ngành				6							
1	ECO6101	Kinh tế học	Economics	3	45	28	17				
2	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	3	45	19	26				
B.1.2. Các học phần chuyên ngành				18							
1	ACC6110	Kế toán tài chính	Financial Accounting	3	45	45					
2	ACC6111	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	45	45					
3	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	Financial Econometrics	3	45	45					
4	ACC6106	Phân tích tài chính	Financial Analysis	3	45	45					
5	ACC6114	Lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán)	Accounting theory (School of Accounting)	3	45	45					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ	Số tiết					Mã HP trước	Ghi chú
					(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH/TN	ĐA/LV	TT		
6	ACC6115	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	Research Project in Accounting	3	45	45					
B.2. Học phần tự chọn (chọn 5/8 học phần)				15							
1	ACC6112	Kiểm toán	Auditing	3	45	45					
2	ACC6109	Kế toán công	Public Accounting	3	45	45					
3	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law	3	45	45					
4	ACC6116	Kiểm soát nội bộ	Internal control	3	45	45					
5	ACC6117	Đạo đức kế toán kiểm toán	Ethics in accounting and auditing	3	45	45					
6	ACC6118	Kế toán tài chính quốc tế	International Financial Accounting	3	45	45					
7	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Financial derivatives and risk	3	45	45					
8	ACC6108	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	3	45	45					
C. Kiến thức tốt nghiệp				15							
1	ACC6402	Chuyên đề thực tế	Practical topics	6				X			
2	ACC6403	Đề án tốt nghiệp	Thesis	9				X			
			Cộng:	60							

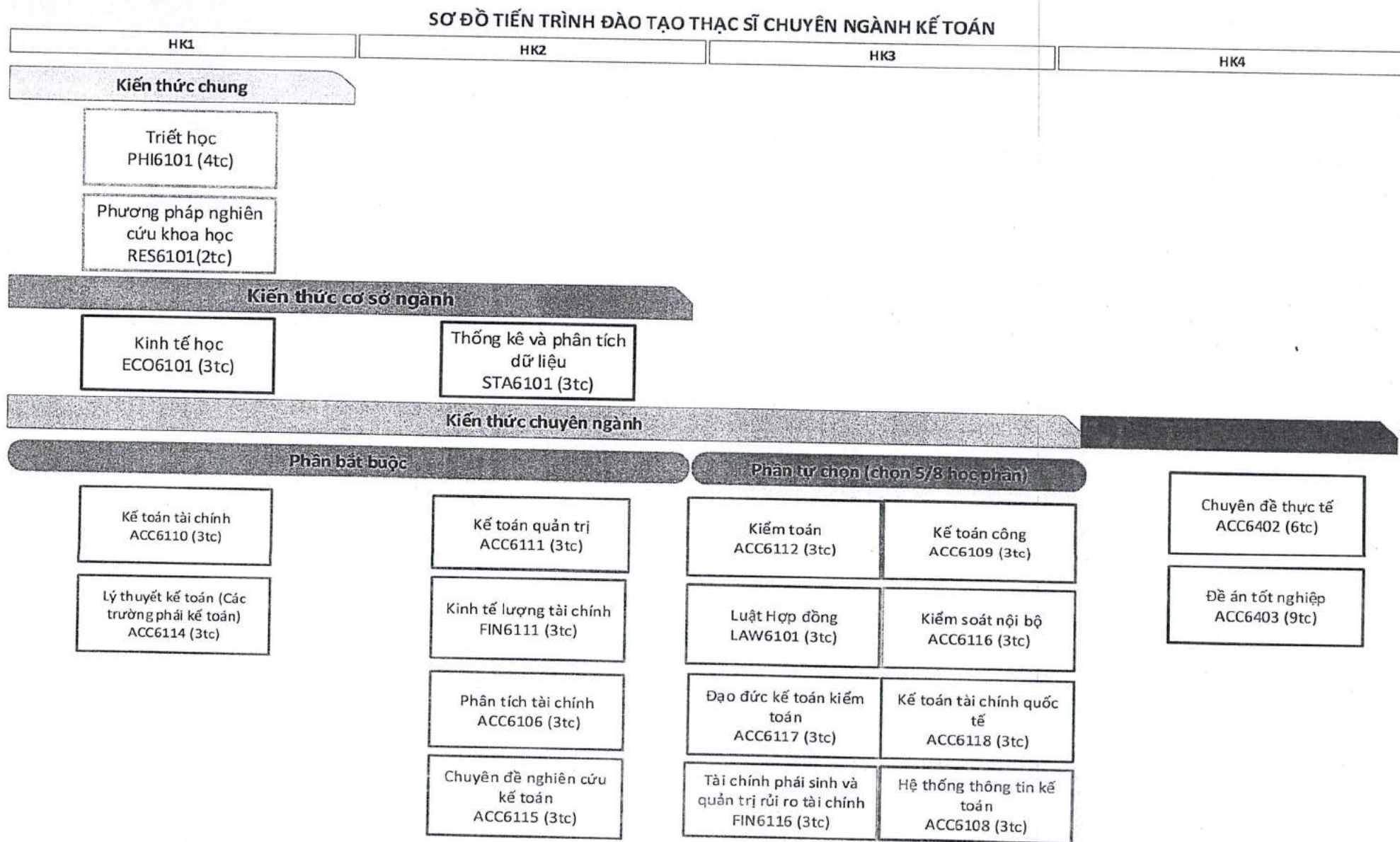
2.4. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.4. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

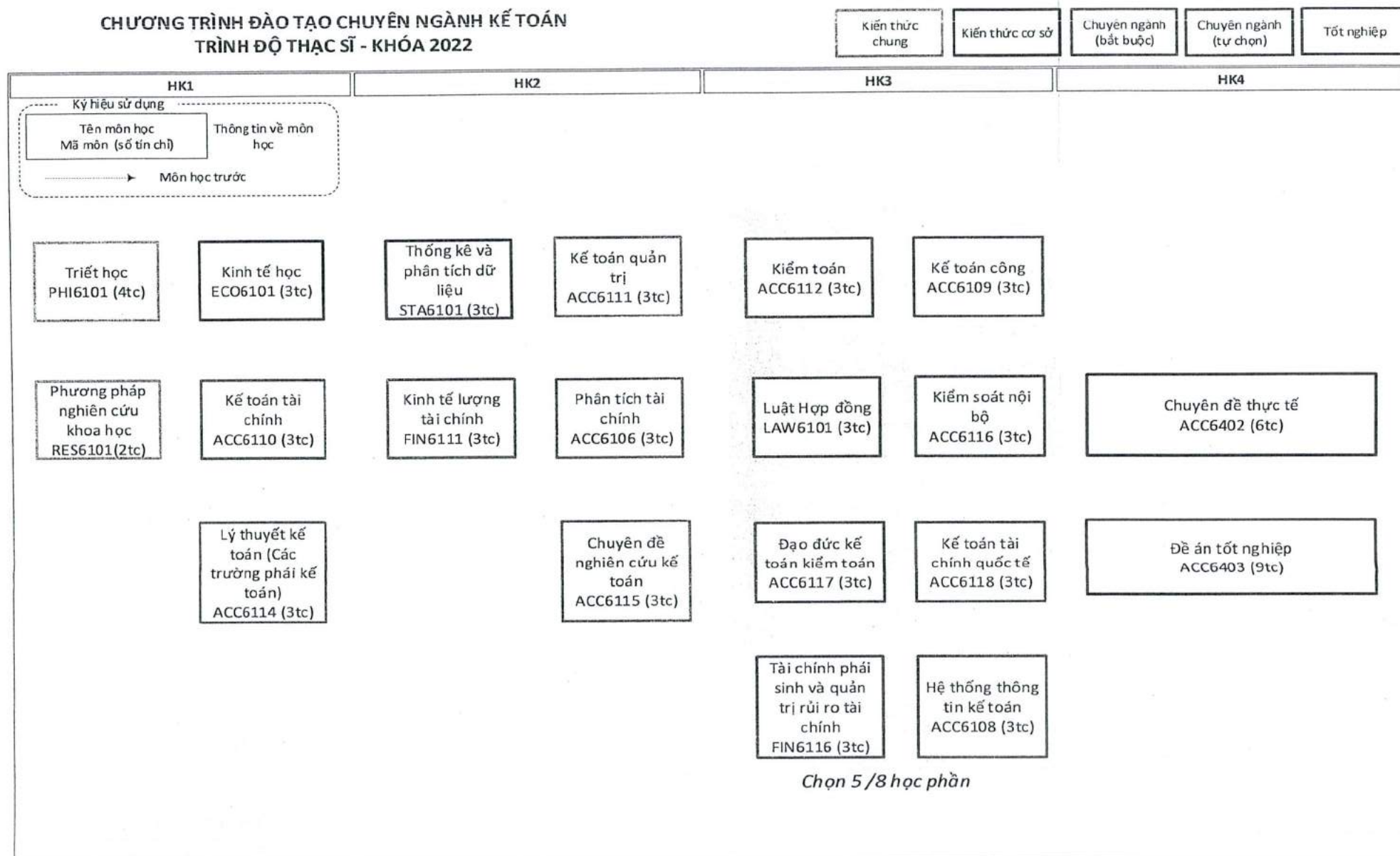
TT	Mã HP	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Học kỳ (số tín chỉ)				Ghi chú
				1	2	3	4	
	Học kỳ 1							
1	PHI6101	Triết học	Philosophy	4				
2	RES6101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	2				
3	ECO6101	Kinh tế học	Economics	3				
4	ACC6110	Kế toán tài chính	Financial Accounting	3				
5	ACC6114	Lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán)	Accounting theory (School of Accounting)	3				
	Học kỳ 2							
6	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis		3			
7	ACC6111	Kế toán quản trị	Managerial Accounting		3			
8	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	Financial Econometrics		3			
9	ACC6106	Phân tích tài chính	Financial Analysis		3			
10	ACC6115	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	Research Project in Accounting		3			
	Học kỳ 3							
		Chọn 5 trong 8 học phần:						
11	ACC6112	Kiểm toán	Auditing			3		Tự chọn
12	ACC6109	Kế toán công	Public Accounting			3		Tự chọn
13	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law			3		Tự chọn

TT	Mã HP	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Học kỳ (số tín chỉ)				Ghi chú
				1	2	3	4	
14	ACC6116	Kiểm soát nội bộ	Internal control			3		Tự chọn
15	ACC6117	Đạo đức kế toán kiểm toán	Ethics in accounting and auditing			3		Tự chọn
16	ACC6118	Kế toán tài chính quốc tế	International Financial Accounting			3		Tự chọn
17	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Financial derivatives and risk			3		Tự chọn
18	ACC6108	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System			3		Tự chọn
	Học kỳ 4							
19	ACC6402	Chuyên đề thực tế	Practical topics				6	
20	ACC6403	Đề án tốt nghiệp	Thesis				9	
Cộng:				15	15	15	15	

Hình 2.2. Sơ đồ tiến trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kế toán



Hình 2.3. Sơ đồ kế hoạch tổ chức giảng dạy các học phần thạc sĩ chuyên ngành Kế toán



2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Triết học: 04 tín chỉ

Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng;

Học phần có 8 chương, bao gồm: Mở đầu (chương 1. Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Ba chương (chương 2. Bản thể luận; chương 3. Pháp biện chứng; chương 4. Nhận thức luận): bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bốn chương (chương 5. Học-thuyết-hình thái kinh tế - xã hội; chương 6. Triết học chính trị; chương 7. Ý thức xã hội; chương 8. Triết học về con người): bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.

Phương pháp nghiên cứu khoa học: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp, ... cũng như hoàn thành Đề án tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.

Nội dung chính bao gồm: Giới thiệu phương pháp nghiên cứu và Quy trình nghiên cứu khoa học; Xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu; Tổng quan tài liệu; Bản chất dạng số liệu đo lường, phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

Kinh tế học: 03 tín chỉ

Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.

Thống kê và phân tích số liệu: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho học viên hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp học viên khái quát được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên những kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng cơ bản được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học viên có khả năng ứng dụng các mô hình kinh tế lượng vào nghiên cứu học thuật dưới sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS, AMOS.

2.6. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

Chương trình quốc tế:

- Trường Đại học Toulouse 1, Pháp, Master of Science in Accounting, Auditing and Management Control (<https://tsm-education.fr/en/formations/master-1-comptabilite-controle-audit>)
- Trường Đại học Adelaide, Master of Accounting, Úc, Master of Accounting (https://www.adelaide.edu.au/degree-finder/maccg_maccntg.html)

Chương trình trong nước:


- Trường Đại học Công nghệ TP.HCM, Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán (<https://www.hutech.edu.vn/tuyensinh/thac-si/nganh-dao-tao/ke-toan>)
- Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán (<https://sdh.ueh.edu.vn/nganh-dao-tao-thac-si/ke-toan-master-in-accountancy.html>)
- Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán (<https://grad.tdtu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-thac-si/chuyen-nganh-ke-toan-8340301>)

TT	Trường Đại học	Quốc gia	Tổng số tín chỉ	Kiến thức chung		Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		Kiến thức/ Luận văn tốt nghiệp
				Số môn	Số TC	Số môn	Số TC	Số TC
1	Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	Việt Nam	60	3	6	13	39	15
2	Đại học Công Nghệ TP.HCM	Việt Nam	61	1	4	14	42	15
3	Đại học Kinh tế TP.HCM	Việt Nam	61	3	9	15	45	7
4	Đại học Tôn Đức Thắng	Việt Nam	60	3	15	11	30	15
5	Đại học Toulouse 1	Pháp	61	4	16	10	30	15
6	Đại học Adelaide	Úc	61	4	16	10	30	15

3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo này áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022.
2. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, V.ĐTSDH-KHCN.
3. Các học phần được phân công giảng dạy bởi V.ĐTSDH-KHCN và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với bản mô tả trong chương trình đào tạo.
4. Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định liên quan hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học và Khoa học công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của học viên và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, tham quan thực tế, thực tập, ..
6. Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (những thay đổi nhỏ như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá) và rà soát 02 năm một lần (chủ yếu xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần) để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

V.ĐTSDH-KHCN
VIỆN TRƯỞNG


TS. Trương Quang Dũng

TP.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2022



TS. Nguyễn Thanh Giang